TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **121**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2023
V/v: "TrA chấp ly hôn"

N DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm N dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án N dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N gia đình thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023 về việc "TrA chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ M, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: A Hồ Văn N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ M, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI D VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị A trình bày:

Chị và A Hồ Văn N kết hôn vào năm 2011, hôn N tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và A Hồ Văn N có 01 con chung là Hồ Thị Phương D, sinh ngày 21/03/2012, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu A N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn A Hồ Văn N vắng mặt nên không có ý kiến.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát N dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Hồ Thị Phương D, sinh ngày 21/03/2012 cho chị Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn A Hồ Văn N, nhưng A N vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn chị Bùi Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn N: Chị Bùi Thị A và A Hồ Văn N kết hôn vào năm 2011, hôn N tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn N hợp pháp.

Theo chị A trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban N dân xã Tam An thể hiện "Trong quá trình chung sống giữa chị A và A N có phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau do A N không lo làm ăn". Như vậy, xét các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Bùi Thị A và A Hồ Văn N là có thật. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện cho chị A và A N hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng chị A vẫn cương quyết xin ly hôn còn A N vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, A N có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn N với chị A. Xét thấy mục đích hôn N không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[3] Về con chung: Chị A và A N có 01 con chung là Hồ Thị Phương D, sinh ngày 21/03/2012. Theo nội D đơn khởi kiện, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu A N cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc đối với A N để A N có ý kiến về nội D khởi kiện của chị A, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên, A N không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do chị A cung cấp cũng như các chứng cứ do tòa án thu thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, tại bản tự khai, cháu Hồ Thị Phương D trình bày hiện cháu đang sống cùng với chị Bùi Thị A và cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với chị A. Do đó, giao cháu cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị A trình bày giữa chị và A N không có tài sản chung và không có nợ chung. A N vắng mặt và không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có trA chấp.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn N và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị A về việc "trA chấp ly hôn".

Về quan hệ hôn N: Chị Bùi Thị A được ly hôn với A Hồ Văn N.

Về con chung: Giao con chung Hồ Thị Phương D, sinh ngày 21/03/2012 cho chị Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời A Hồ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

A Hồ Văn N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn N gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị A đã nộp tại biên lai thu số 0009211 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (đã nộp xong án phí).

Chị Bùi Thị A và A Hồ Văn N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện Long Thành (2)
- UBND xã A (01)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)

``

Nguyễn Hữu Ngọc